

THÔNG TIN TỔNG HỢP

Tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

- Cải thiện, nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) đến năm 2025
- Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng, tạo động lực tăng trưởng mới
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia

II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

- Kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2024 - những vấn đề đặt ra và khuyến nghị
- Chính sách, pháp luật của Việt Nam về bảo vệ chủ quyền biển, đảo và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề biển, đảo

III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

- Tình hình xung đột tại Trung Đông
- Kết quả rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV đối với Việt Nam của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

1. CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ XANH CẤP TỈNH (PGI) ĐẾN NĂM 2025

Theo kết quả công bố của liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Ninh Thuận xếp vị trí thứ 33 với tổng số 21,88 điểm.

Trong 4 chỉ số thành phần, có 2 chỉ số đạt số điểm tương đối cao là: Chỉ số giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đạt 7,08 điểm (đứng thứ hạng 26/63 tỉnh thành); chỉ số đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu đạt 6,07 điểm (đứng thứ hạng 23/63 tỉnh thành); 2 chỉ số còn lại đạt số điểm thấp là: Chỉ số vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh đạt 3,78 điểm (đứng thứ hạng 48/63 tỉnh thành) và chỉ số chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường đạt 4,95 điểm (đứng thứ hạng 42/63 tỉnh thành). Đây là một hợp phần về môi trường được tích hợp trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) lần đầu tiên vào năm 2022. Chỉ số PGI được công bố thường niên và sẽ trải qua một lộ trình thử nghiệm, hoàn thiện và phát triển, với mong muốn đây sẽ là một công cụ chính sách hữu ích, có thể bổ trợ chỉ số PCI để thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại Việt Nam trong thời gian tới.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số PGI, tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Ninh Thuận, ngày 20/4/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4344/KH-UBND về cải thiện và nâng cao chỉ số PGI trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

Theo đó, kế hoạch hướng đến mục tiêu cải thiện, nâng cao chỉ số PGI của tỉnh một cách bền vững; phân đầu năm 2024 và các năm tiếp theo các chỉ số, chỉ tiêu thành phần của chỉ số PGI được cải thiện so với kết quả đã đạt được năm 2023. Bên cạnh đó, tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của chỉ số PGI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì và cải thiện kết quả, thứ bậc xếp hạng chỉ số PGI của tỉnh, góp phần thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể, phân đầu tăng điểm số PGI của Ninh Thuận năm 2024 đạt từ 22,24 điểm trở lên (tăng 0,36 điểm so với năm 2023). Trong đó, quan tâm cải thiện 2 chỉ số thành phần, cụ thể: Chỉ số vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh tăng từ 3,78 điểm lên 4,02 điểm và chỉ số chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường tăng từ 4,95 điểm lên 5,07 điểm. Đến năm 2025, phân đầu tăng điểm số PGI của Ninh Thuận năm 2024 đạt từ 22,55 điểm trở lên (tăng 0,67 điểm so với năm 2023; tăng 0,31 điểm so với dự kiến năm 2024) và đưa PGI Ninh Thuận vào nhóm 30 tỉnh, thành phố có chỉ số tăng trưởng xanh cao nhất cả nước.

Để đạt được các mục tiêu trên, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch phải được triển khai đồng bộ, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá định kỳ để có giải pháp phù hợp, kịp thời, đảm bảo mục tiêu cải thiện hiệu quả, bền vững, cân bằng giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bền vững môi trường. Xác định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tập trung cải thiện điểm số các chỉ số thành phần có điểm số, thứ hạng thấp, giữ vững và nâng cao hơn nữa các chỉ số thành phần có điểm số cao của năm 2023.

2. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG, TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI

Dù mới trải qua 3 năm hình thành nhưng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đã phát triển một cách mạnh mẽ và đang trở thành vùng kinh tế động lực, có sức lan tỏa lớn để phát triển các vùng kinh tế khác trong tỉnh, từ đó, góp phần thúc đẩy, đưa tỉnh phát triển đi lên theo hướng nhanh, bền vững.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng

Ngày 11/01/2022, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được phân thành 4 tiểu vùng phát triển kinh tế, gồm: Tiểu vùng công nghiệp - năng lượng - cảng biển; tiểu vùng

du lịch - dịch vụ phụ trợ; tiểu vùng nông nghiệp công nghệ cao và tiểu vùng bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển rừng.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của tỉnh, từ khi thành lập, kết cấu hạ tầng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh được tập trung đầu tư đồng bộ. Công tác thu hút đầu tư, cải cách hành chính, cải thiện môi trường được đẩy mạnh. Các dự án trọng điểm, động lực được đẩy nhanh tiến độ, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác kêu gọi đầu tư vào vùng kinh tế ngày một nhiều hơn. Điểm nổi bật phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh giai đoạn 2021-2023 là tốc độ tăng trưởng bình quân tăng 13,3%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân cả tỉnh là 9,29%; GRDP bình quân/người đến năm 2023 đạt trên 106 triệu đồng; tỷ trọng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2023 chiếm 22,53% GRDP của tỉnh; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 29.139 tỷ đồng.

Đặc biệt, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh thu hút nhiều doanh nghiệp lớn vào đầu tư ở lĩnh vực năng lượng tái tạo, với 33 dự án hoàn thành và đưa vào vận hành với tổng công suất 1.935MW, chiếm trên 40% tổng số công suất vận hành các dự án năng lượng của toàn tỉnh. Các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch ven biển, các khu đô thị mới từng bước được hình thành và phát triển đồng bộ.

Để đẩy mạnh phát triển, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng thuộc quy hoạch chung xây dựng khu du lịch ven biển; quy hoạch phân khu xây dựng vùng sản xuất giống thủy sản và vùng sản xuất tôm giống bố mẹ ứng dụng công nghệ cao; điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Cảng tổng hợp Cà Ná; quy hoạch chung xây dựng các khu đô thị...; đồng thời tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai lập các quy hoạch phân khu phát triển tại vùng phía Nam của tỉnh. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh cơ bản đáp ứng các điều kiện để thành lập khu kinh tế ven biển theo quy định tại Khoản 4, Điều 5 và Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu kinh tế. Theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023, trong đó có dự kiến thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh với quy mô khoảng 43.900ha, nằm trên địa bàn hai huyện Thuận Nam và Ninh Phước.

Cùng với các quy hoạch quốc gia được phê duyệt sẽ là điều kiện để tỉnh bổ sung các định hướng, các dự án động lực phát triển tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh như: Dự án khí LNG Cà Ná, công suất 1.500MW (giai đoạn 1); phát triển Trung tâm logistics hạng II; hình thành trung tâm năng lượng tái tạo lớn của cả nước; phát triển 2 kho xăng dầu với quy mô 100.000m³; đầu tư cảng cạn Cà Ná; tuyến giao thông nối Cao tốc Bắc-Nam với Quốc lộ 1 vào Cảng tổng hợp Cà Ná...; đồng thời chuẩn bị đầu tư tuyến đường động lực kết nối Cảng tổng hợp Cà Ná lên khu vực Nam Tây Nguyên để tạo động lực đột phá phát triển hành lang các trục Đông-Tây.

Tạo động lực tăng trưởng mới

Đề khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế ở vùng đất phía Nam của tỉnh, tạo động lực bứt phá, xứng đáng là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như mục tiêu Nghị quyết đặt ra, tỉnh đang ra sức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, sớm đưa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành vùng kinh tế động lực, tăng trưởng xanh, trở thành khu kinh tế ven biển của cả nước. Nhiệm vụ đầu tiên mà tỉnh tập trung thực hiện là triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2031, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023. Đồng thời, tỉnh tập trung triển khai quy hoạch ngành, quy hoạch phân khu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để thu hút nguồn lực từ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng tăng cường kiểm tra, giám sát để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang đầu tư thi công tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đặc biệt, tỉnh chú trọng khai thác hiệu quả Cảng tổng hợp Cà Ná và dịch vụ cảng, các ngành công nghiệp phụ trợ, chế biến các sản phẩm đặc thù, tổ hợp xanh hóa chất sau muối, trung tâm dịch vụ logistic và cảng cạn Cà Ná; đẩy mạnh thu hút đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Phước Nam, khu công nghiệp Cà Ná (đang hoàn tất thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư dự án) cùng 10 cụm công nghiệp đã và đang hình thành với diện tích đến năm 2025 trên 460ha.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, đáp ứng nhu cầu vật liệu san lấp mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm phía Nam; xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, hệ thống thoát lũ, nhà máy xử lý nước thải... để đáp ứng điều kiện hình thành khu đô thị và phát triển các ngành, lĩnh vực. Tỉnh cũng tiếp tục triển khai hiệu quả chủ trương xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước gắn với triển khai có hiệu quả Quy hoạch điện VIII; hỗ trợ các doanh nghiệp kết nối, quảng bá xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế trọng điểm phía Nam, phát triển khu đô thị khu vực trọng điểm phía Nam; tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, thế mạnh của vùng.

Ngoài ra, tỉnh cũng phát triển đồng bộ, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch gắn với hình thành đô thị ven biển; hình thành các khu du lịch đẳng cấp cao, loại hình độc đáo với chất lượng dịch vụ tốt, có tính cạnh tranh cao; đẩy mạnh liên kết, kết nối với các tuyến du lịch quốc gia, khu vực Đông Nam Bộ và miền Trung-Tây Nguyên; tiếp tục triển khai chủ trương phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cơ cấu lại ngành nông nghiệp từng bước đi vào chiều sâu.

Tỉnh sẽ đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các giải pháp đổi mới sáng tạo, tập trung phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, phát triển chính quyền số và đô thị thông minh; tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; chú trọng triển khai có hiệu quả

các giải pháp liên kết vùng, phát triển mô hình kinh tế xanh, khu kinh tế phù hợp với đặc trưng từng vùng.

Song song với các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện, tỉnh cũng kiến nghị Chính phủ hỗ trợ tinh đầu tư dự án động lực hạ tầng giao thông cơ bản kết nối từ Cảng biển Cà Ná, Cao tốc Bắc-Nam với các tỉnh khu vực Nam Tây Nguyên để tháo gỡ khó khăn, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, sớm đưa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh bước tốc phát triển.

Với sự nỗ lực trên, tỉnh kỳ vọng và đặt mục tiêu đưa tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2024-2025 tăng 25-26%/năm; GRDP bình quân/người dân năm 2025 đạt 130 triệu đồng. Cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và thủy sản chiếm 24-25%; công nghiệp-xây dựng chiếm 57-58%; các ngành du lịch, dịch vụ chiếm 18-19%. Phân đầu tư tỷ trọng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025 chiếm 28-29% GRDP của tỉnh; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2024-2025 đạt 11.000-16.000 tỷ đồng để đạt mục tiêu huy động từ 40.000-45.000 tỷ đồng đầu tư vào vùng.

3. SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC TỪ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Từ nguồn vốn Chương trình MTQG 1719, từ năm 2022-2024, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Dự án 1 nhằm giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh cho biết, tính đến cuối năm 2023, tỉnh Ninh Thuận có 5.149 hộ đồng bào DTTS nghèo, chiếm 65,3% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Triển khai Dự án 1- Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2022 - 2024, vùng DTTS của tỉnh Ninh Thuận được ngân sách Trung ương và của tỉnh đầu tư hơn 79 tỷ đồng. Toàn tỉnh có 5.001 hộ đồng bào DTTS nghèo có nhu cầu hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Bao gồm nhu cầu đất ở 739 hộ, nhà ở 1.290 hộ, đất sản xuất 1.330 hộ, chuyển đổi nghề 956 hộ, nước sinh hoạt phân tán 686 hộ và 5 công trình nước sinh hoạt tập trung.

Tính đến cuối tháng 8/2024, toàn tỉnh giải ngân hơn 72 tỷ đồng, đạt 90,30% nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án 1 Chương trình MTQG 1719. Trong đó, các địa phương hoàn thành cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật 173 lô đất ở bao gồm xã Phước Hà (huyện Thuận Nam) 50 lô; xã Bắc Sơn (huyện Thuận Bắc) 106 lô; xã Mỹ Sơn (huyện Ninh Sơn) 17 lô. Hỗ trợ xây dựng hoàn thành 317 căn nhà ở cho hộ nghèo ở 2 huyện Ninh Sơn (189 căn) và Bắc Ái (128 căn). Có 1.936 hộ nghèo được hỗ trợ giống vật nuôi, mua sắm nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ lắp đặt nước sinh hoạt phân tán cho 539 hộ; xây dựng 8 công trình nước sinh hoạt tập trung ở huyện Bắc Ái và Ninh Phước.

Tại huyện Bắc Ái, với đặc thù là huyện miền núi có tỷ lệ đồng bào DTTS cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, do đó những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền huyện Bắc Ái rất chú trọng thực hiện hiệu quả nguồn lực đầu tư hỗ

trợ từ các chương trình MTQG 1719. Trong 3 năm qua, để triển khai Chương trình MTQG 1719, huyện Bắc Ái đã phân bổ hơn 21 tỷ đồng để hỗ trợ 128 hộ về nhà ở, 500 hộ được chuyển đổi nghề nghiệp, 235 hộ dân được hỗ trợ về nước sinh hoạt. Địa phương đã dành hơn 9 tỷ đồng thực hiện 49 dự án phát triển sản xuất cộng đồng giúp cho hơn 700 hộ dân hưởng lợi. Cũng từ nguồn lực của Chương trình MTQG 1719, huyện đã bố trí hàng chục tỷ đồng để đầu tư 13 công trình đường giao thông; 9 công trình trường học và một số công trình thủy lợi trên địa bàn. Bên cạnh đó, huyện cũng dành hơn 4,4 tỷ đồng để triển khai thực hiện dự án 6 về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với du lịch...

Tại huyện Bắc Ái, sau hơn 3 năm thực hiện, Chương trình đã từng bước giải quyết những vấn đề cấp thiết của người dân vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, người dân mong muốn nâng cao mức hỗ trợ về nhà ở từ 40 triệu đồng lên 60 triệu đồng đối với mỗi hộ; nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp từ 10 triệu đồng lên 20 triệu đồng mỗi hộ.

Còn tại huyện Thuận Bắc, theo báo cáo của UBND huyện trong 3 năm (từ 2022-2024), huyện Thuận Bắc được Nhà nước đầu tư hơn 18 tỷ đồng thực hiện Dự án 1 của Chương trình MTQG 1719 giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Theo đó, huyện Thuận Bắc đã hỗ trợ 725 hộ thuộc diện nghèo trên địa bàn 5 xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn gồm Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Sơn, Công Hải, Lợi Hải. Trong đó, vốn đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho đồng bào Raglay xã Bắc Sơn với kinh phí hơn 12 tỷ đồng; hỗ trợ mua sắm nông cụ chuyển đổi nghề hơn 5 tỷ đồng; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho hộ nghèo 527,9 triệu đồng. Đồng bào DTTS có 273 hộ được hỗ trợ vay vốn chuyển đổi nghề theo Nghị định 28/NĐ-CP với kinh phí 17.530 triệu đồng...

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG 1719, tỉnh sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao. Bên cạnh đó, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư, đảm bảo đủ điều kiện, sớm được phân bổ kế hoạch vốn chi tiết nhằm đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án được đầu tư.

II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

1. KINH TẾ - XÃ HỘI NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2024 - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ

Những tháng cuối năm 2024 đặt ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế-xã hội Việt Nam, khi phải đối mặt với hàng loạt biến động lớn từ bên ngoài và những khó khăn nội tại trong nước. Nền kinh tế Việt Nam đang phải gánh chịu áp lực từ tình trạng lạm phát gia tăng, thị trường lao động thiếu hụt, và sự chênh lệch ngày càng lớn trong việc phát triển kinh tế giữa các vùng miền. Đồng thời, sự thay đổi của các chuỗi cung ứng toàn cầu và những biến động từ thị trường quốc tế cũng đang tạo ra nhiều sức ép. Chính vì vậy, cần có một cách tiếp cận

tổng thể và các giải pháp dài hơi để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho Đất nước.

Dự báo tình hình kinh tế - xã hội cuối năm 2024

Về tăng trưởng kinh tế: Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong cả năm 2024 có thể đạt từ 5,5% đến 6,0%, dựa trên các yếu tố như sự phục hồi mạnh mẽ của ngành dịch vụ và công nghiệp chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn so với kỳ vọng ban đầu (6,5% đến 7%), do ảnh hưởng từ giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và sự suy giảm cầu tiêu dùng trong nước và quốc tế. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (GSO), sản lượng công nghiệp trong tháng 9 năm 2024 đã giảm 1,2% so với tháng trước, điều này phản ánh áp lực lớn mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt trong bối cảnh giá nguyên vật liệu và năng lượng tăng cao.

Về lạm phát và giá cả: Lạm phát trong năm 2024 có thể đạt mức 4,2%, cao hơn so với năm 2023 (3,8%), với các nguyên nhân chủ yếu là do giá năng lượng và thực phẩm toàn cầu tăng mạnh. Sự gia tăng chi phí sản xuất đã kéo theo sự tăng giá của nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân. Chính phủ đã tăng lãi suất điều hành từ 4,5% lên 5,0% vào tháng 10 năm 2024 để kiểm soát lạm phát, nhưng điều này cũng tạo ra thách thức cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay.

Về thị trường lao động: Thị trường lao động đang đối mặt với nhiều khó khăn khi tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 2,3% trong quý III năm 2024, từ mức 2,1% của quý II, theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong khi đó, nhu cầu lao động trong các ngành công nghệ cao và dịch vụ tăng mạnh, dẫn đến sự thiếu hụt lao động có kỹ năng, đặc biệt là ở các khu vực đô thị. Việc chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị và từ các ngành nghề truyền thống sang các ngành nghề mới cũng đặt ra nhiều thách thức về đào tạo và quản lý lao động.

Về an sinh xã hội: Tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền và các nhóm dân cư ngày càng lớn, đặc biệt là giữa khu vực đô thị và nông thôn. Theo Bộ Tài chính, chi tiêu cho các chương trình an sinh xã hội chiếm khoảng 2,8% GDP trong năm 2024, nhưng hiệu quả của các chương trình này vẫn còn hạn chế do sự phân bổ nguồn lực chưa đồng đều và việc giám sát thực hiện chưa chặt chẽ. Tình trạng người dân nghèo ở các vùng sâu, vùng xa chưa được tiếp cận đầy đủ với các chính sách hỗ trợ vẫn là một vấn đề cần được giải quyết.

Về khả năng đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội: Mặc dù có nhiều thách thức, nhưng Việt Nam vẫn có khả năng đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra cho năm 2024 nếu các giải pháp kịp thời và phù hợp được triển khai. Các chỉ tiêu tăng trưởng GDP, kiểm soát lạm phát và giảm tỷ lệ thất nghiệp có thể đạt được nếu chính phủ và doanh nghiệp có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các chính sách kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, việc đạt được các mục tiêu về an sinh xã hội và phát triển bền vững có thể gặp khó khăn hơn, đòi hỏi sự đầu tư dài hạn và chiến lược hợp lý.

Những bất cập cần giải quyết

Mặc dù có nhiều gói hỗ trợ doanh nghiệp đã được ban hành, nhưng tính hiệu quả vẫn chưa cao. Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chỉ có khoảng 30% doanh nghiệp tiếp cận được các gói hỗ trợ tài chính. Nguyên nhân chính là do thủ tục phức tạp và thời gian xử lý kéo dài. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn đang gặp khó khăn lớn trong việc duy trì hoạt động trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Ngoài ra, mặc dù có nhiều dự án đầu tư công đang được triển khai, nhưng tiến độ chậm và hiệu quả sử dụng vốn vẫn là một vấn đề lớn. Báo cáo của Bộ Giao thông Vận tải cho thấy, trong năm 2024, nhiều dự án giao thông quan trọng như cao tốc Bắc-Nam và các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều bị chậm tiến độ do thiếu vốn và công tác quản lý hạn chế. Sự chậm trễ này không chỉ gây lãng phí nguồn lực mà còn cản trở sự phát triển kinh tế và xã hội của các vùng miền.

Môi trường kinh doanh ở nước ta vẫn còn gặp nhiều rào cản về thủ tục hành chính, chi phí không chính thức và sự phức tạp trong quy định pháp luật. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Việt Nam xếp hạng 70/190 về chỉ số dễ dàng kinh doanh năm 2024, tăng 2 bậc so với năm 2023, nhưng vẫn còn nhiều lĩnh vực cần cải thiện để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp phát triển.

Một số khuyến nghị đề xuất

Để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho đất nước, cần chú trọng một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh cải cách hành chính và môi trường kinh doanh: Việc cải cách hành chính cần được thực hiện một cách mạnh mẽ hơn, tập trung vào việc đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, thuế, hải quan, và đất đai. Chính phủ nên tiếp tục triển khai các giải pháp số hóa, áp dụng công nghệ thông tin vào các quy trình hành chính để giảm thiểu thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Đặc biệt, cần có các biện pháp mạnh mẽ để giảm thiểu tình trạng chi phí không chính thức, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong các hoạt động kinh doanh.

Xây dựng một nền kinh tế tự chủ, giảm phụ thuộc vào thị trường quốc tế. Điều này đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp nội địa, đặc biệt là các ngành công nghiệp cơ bản, chế biến và công nghiệp phụ trợ. Tiếp tục khuyến khích việc sử dụng hàng hóa và dịch vụ nội địa, thúc đẩy các chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tiếp tục có các chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và trong giới trẻ. Việc phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, các vườn ươm khởi nghiệp và quỹ đầu tư mạo hiểm sẽ giúp tạo ra các doanh nghiệp mới, mang lại sự phát triển kinh tế và tạo thêm việc làm.

Tạo điều kiện để người dân tham gia nhiều hơn vào các quyết sách kinh tế - xã hội, từ việc đóng góp ý kiến đến việc giám sát và đánh giá các chính sách.

Sự tham gia của người dân sẽ giúp đảm bảo các chính sách được thực hiện một cách minh bạch, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ và bền vững: Cần có một chiến lược đầu tư công dài hạn, tập trung vào các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng như giao thông, năng lượng và công nghệ thông tin. Việc huy động các nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các hình thức đối tác công-tư (PPP) cần được đẩy mạnh, đồng thời cải thiện công tác quản lý và giám sát để đảm bảo tiến độ và chất lượng của các dự án. Cần có các chính sách khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong việc phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng và công nghệ.

Thứ ba, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Việc phát triển nguồn nhân lực cần được xem là một chiến lược dài hạn. Chính phủ cần đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo kỹ năng cao, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Các chương trình hợp tác công-tư (PPP) trong giáo dục và đào tạo cần được mở rộng, giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ việc làm, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ, để đảm bảo rằng người lao động có cơ hội tiếp cận với các công việc có thu nhập tốt và ổn định.

Cùng với đó, Chính phủ cần chú trọng vào việc đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ pháp luật. Các chương trình đào tạo chuyên sâu về pháp luật cần được phát triển, đồng thời khuyến khích việc học hỏi, trao đổi kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống pháp luật tiên tiến. Điều này sẽ giúp đảm bảo rằng đội ngũ cán bộ pháp luật có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh phức tạp của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ tư, phát triển kinh tế vùng và nông thôn một cách bền vững: Tiếp tục có các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế vùng và nông thôn một cách bền vững, nhằm giảm thiểu chênh lệch phát triển giữa các vùng miền. Việc đầu tư vào hạ tầng giao thông, điện, nước và các dịch vụ cơ bản ở các khu vực nông thôn cần được ưu tiên. Đồng thời, cần khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp địa phương, đặc biệt là trong các ngành nông nghiệp, chế biến thực phẩm, và du lịch sinh thái. Tiếp tục ưu tiên có các chính sách hỗ trợ người dân nông thôn tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, và các chương trình đào tạo nghề, giúp họ nâng cao kỹ năng và chuyển đổi sang các ngành nghề có giá trị gia tăng cao hơn.

Thứ năm, tăng cường quản lý và cải thiện hiệu quả chi tiêu công: Việc quản lý chi tiêu công cần được cải thiện thông qua các biện pháp kiểm soát chặt chẽ và minh bạch hơn. Chính phủ cần thực hiện các cuộc kiểm toán độc lập đối với các dự án đầu tư công lớn, đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng hiệu quả và đúng mục đích. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách và chi tiêu công sẽ giúp giảm thiểu tình trạng lãng phí và thất thoát. Các cơ chế giám sát và đánh giá cũng cần được nâng cao, với sự tham gia của cả khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự, nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải

trình. Đồng thời, tiếp tục cải thiện chất lượng các dịch vụ công, từ y tế, giáo dục, đến an ninh và trật tự xã hội, đảm bảo rằng người dân được hưởng thụ các dịch vụ công với chất lượng tốt hơn. Áp dụng các công nghệ tiên tiến, tăng cường năng lực cán bộ công chức và giảm thiểu tình trạng quan liêu, sách nhiễu.

Thứ sáu, phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện và bền vững: Việc xây dựng một hệ thống an sinh xã hội toàn diện và bền vững là cần thiết để đảm bảo sự ổn định xã hội trong dài hạn. Chính phủ cần mở rộng các chương trình an sinh xã hội, đặc biệt là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, và bảo hiểm xã hội. Các chính sách này cần được thiết kế sao cho dễ tiếp cận và phù hợp với các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, bao gồm người lao động mất việc, người nghèo, và người dân ở các vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, cần nâng cao hiệu quả giám sát và thực thi các chính sách này để đảm bảo rằng chúng thực sự mang lại lợi ích cho người dân.

Thứ bảy, thúc đẩy cải cách trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng: Hệ thống tài chính và ngân hàng cần được cải cách sâu rộng để hỗ trợ tốt hơn cho nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Cần có các biện pháp để tăng cường khả năng tiếp cận vốn vay cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc phát triển các công cụ tài chính mới, như tín dụng xanh và các hình thức huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, cũng cần được khuyến khích. Ngoài ra, cần cải thiện tính minh bạch và ổn định của hệ thống ngân hàng, đảm bảo rằng các ngân hàng hoạt động an toàn và hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho nền kinh tế.

Thứ tám, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc tận dụng tối đa lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết là rất quan trọng. Chính phủ cần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nắm bắt cơ hội từ các FTA thông qua việc cung cấp thông tin, đào tạo, và hỗ trợ kỹ thuật. Đồng thời, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ, và đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Cũng cần khuyến khích các doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng lợi thế từ các quan hệ đối tác chiến lược và các cơ hội đầu tư từ nước ngoài. Chính phủ cần thúc đẩy việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường mạnh mẽ hơn, bao gồm việc giảm phát thải khí nhà kính, quản lý chất thải, và bảo vệ nguồn nước. Đồng thời, cần khuyến khích sự phát triển của các ngành công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, và các công nghệ thân thiện với môi trường. Việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường cao hơn trong sản xuất và kinh doanh sẽ không chỉ giúp bảo vệ môi trường, mà còn nâng cao giá trị sản phẩm và thương hiệu của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Thứ chín, hoàn thiện công tác xây dựng và thực thi pháp luật: Hệ thống pháp luật của Việt Nam cần được liên tục cập nhật để phản ánh đúng thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. Chính phủ cần đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi và bổ sung các luật hiện hành, đồng thời xây dựng các quy định pháp luật mới, nhằm lấp đầy những khoảng trống pháp lý và loại bỏ các quy định không còn phù hợp. Việc xây dựng pháp

luật cần được tiến hành theo nguyên tắc công khai, minh bạch, và có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Có các cơ chế lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia, tổ chức xã hội và người dân trong quá trình soạn thảo luật. Điều này không chỉ giúp hoàn thiện nội dung pháp luật mà còn tạo sự đồng thuận và tuân thủ cao khi luật được ban hành và thực thi.

Bên cạnh việc xây dựng luật, công tác thực thi pháp luật cũng cần được nâng cao. Điều này đòi hỏi việc cải thiện năng lực của các cơ quan tư pháp, bao gồm hệ thống tòa án, cơ quan công tố và cơ quan thi hành án. Cần đảm bảo rằng các quy định pháp luật được thực thi một cách công bằng, hiệu quả và minh bạch, từ đó củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp vào hệ thống pháp luật. Song song đó, hệ thống tư pháp cần được cải cách để nâng cao tính độc lập, công bằng và hiệu quả. Cần có các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tình trạng tham nhũng, bảo đảm các vụ án được xét xử một cách khách quan và nhanh chóng, đảm bảo cho pháp luật được thực thi và được tôn trọng trong toàn xã hội.

Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2024 đối mặt với nhiều thách thức lớn, nhưng cũng mở ra những cơ hội để đất nước phát triển bền vững hơn. Việc thực hiện các giải pháp dài hạn và có tính chiến lược, từ cải cách hành chính, phát triển cơ sở hạ tầng, đến bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực, sẽ là yếu tố then chốt giúp Việt Nam vượt qua khó khăn và tiến bước vững chắc trên con đường phát triển. Chính phủ, doanh nghiệp và người dân cần phối hợp chặt chẽ để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo một tương lai ổn định và thịnh vượng cho đất nước.

2. CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ VẤN ĐỀ BIỂN, ĐẢO

Biển, đảo là phần lãnh thổ thiêng liêng không thể tách rời, có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thời gian qua, lợi dụng những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, các thế lực thù địch, phản động, phân tử cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách xuyên tạc, kích động, chống phá chủ quyền biển, đảo nước ta. Việc nhận diện và chủ động đấu tranh với hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở nước ta hiện nay.

Việt Nam là quốc gia biển, giáp với Biển Đông trên 3 hướng: Đông, Nam và Tây Nam; có bờ biển dài trên 3.260km trải dài từ bắc xuống nam và hơn 4.000 hòn đảo lớn nhỏ. Vùng biển của nước ta có diện tích gấp 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông. Án ngữ ở vị trí thuận lợi trên con đường hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương; giữa châu Âu, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực; là vùng biển giàu các loại tài nguyên, khoáng sản; phong phú, đa dạng các loài sinh vật biển,... Biển, đảo nước ta chiếm vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế và địa - văn hóa trọng yếu trên bản đồ chiến lược khu vực

và thế giới. Cùng với đó, những nhân tố gây mất ổn định, xâm phạm chủ quyền, an ninh vùng biển, đảo Việt Nam vẫn đang diễn ra gay gắt; nguy cơ xung đột vũ trang, tranh chấp trên biển, đảo diễn ra ngày càng phức tạp, khó lường. Nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kế thừa và phát triển ý thức chủ quyền biển, đảo của ông cha trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Nhà nước ta đã xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Chính sách, pháp luật của Việt Nam về bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Chính sách của Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Với quan điểm nhất quán “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS năm 1982); giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển”, Đảng ta đã hoạch định đường lối chính trị về biển, đảo phù hợp với từng thời kỳ để các cơ quan nhà nước thể chế hóa thành chính sách, pháp luật về bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên biển, đảo. Những chính sách quan trọng nhất về biển, đảo của Việt Nam có thể kể đến, như “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” (năm 2007) và “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045” (năm 2018)...

Với “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, lần đầu tiên, nước ta có một chiến lược biển toàn diện, có tầm nhìn chiến lược rộng, tính bao quát cao trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế, môi trường,... Chiến lược đặt mục tiêu: “Phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo”.

Trên cơ sở tổng kết và kế thừa “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, ngày 22/10/2018, Hội nghị Trung ương 8 khóa XII ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW, về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045” đề ra những mục tiêu mới với những giải pháp tổng thể cho từng giai đoạn. Cụ thể, nghị quyết xác định *mục tiêu tổng quát đến năm 2030*: Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển. *Tầm nhìn đến năm 2045*: Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải

quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương. Chiến lược đề ra 7 giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu đó.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, ngày 05/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP, về “Ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Tiếp theo, ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 31/CT-TTg, “Về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Trong đó, chỉ ra các nguyên nhân ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Trên cơ sở đó đặt ra yêu cầu cần phải đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Pháp luật của Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Ngay sau khi đất nước thống nhất, ngày 12/5/1977, Chính phủ đã ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Tiếp đó, ngày 29/01/1980, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/CP, về “Quy chế cho các tàu thuyền nước ngoài hoạt động trên các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; ngày 12/11/1982, Chính phủ ra tuyên bố về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam. Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn UNCLOS năm 1982. Sau khi trở thành thành viên chính thức của UNCLOS năm 1982, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa các quy định của Công ước. Đặc biệt, năm 2012, Luật Biển Việt Nam được ban hành với hầu hết các nội dung tương thích với UNCLOS năm 1982.

Việt Nam ngày càng hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời” (Điều 1); “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý” (Điều 53).

Luật Biển Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 là văn bản pháp lý quan trọng, quy định một cách tổng thể các vấn đề liên quan đến biển, đảo theo đúng tinh thần UNCLOS năm 1982. Với 7 chương và 55 điều, Luật Biển Việt Nam quy định các nội dung chủ yếu như: Nguyên tắc, chính sách quản lý và bảo vệ biển; phạm vi và chế độ pháp lý các vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Việt Nam; các hoạt động trong vùng biển Việt Nam; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ tài nguyên và môi trường biển; nghiên cứu khoa học biển; phát triển kinh tế biển; tuần tra kiểm soát trên biển; hợp tác quốc tế về biển; xử lý vi phạm. Trong đó, có các điểm quan trọng cần chú ý như:

1- Tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các đảo, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; làm rõ thêm khái niệm về đảo, quần đảo, đá; quy định một cách đầy đủ hơn về việc xác định đường cơ sở phạm vi và chế độ pháp lý của các vùng biển, thềm lục địa Việt Nam; quy định rõ, hợp lý về quyền tự do hàng hải, hàng không trên vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam phù hợp với quy định trong UNCLOS năm 1982, bảo đảm quyền lợi biển của Việt Nam; 2- Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thực hiện các biện pháp cần thiết bảo vệ chủ quyền biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển kinh tế biển; 3- Dành một chương riêng về phát triển kinh tế biển, huy động mọi nguồn lực của Nhà nước, công dân, các tổ chức trong và ngoài nước, trên cơ sở nguyên tắc phát triển kinh tế biển phải gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn trên biển; 4- Khẳng định Việt Nam chủ trương giải quyết các bất đồng, tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, phù hợp với pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Các văn bản pháp luật trên là những cơ sở pháp lý quan trọng để phục vụ công cuộc phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Mặt khác, thông qua những quy định pháp luật, Việt Nam thể hiện sự tích cực, quyết tâm và cam kết đối với việc tôn trọng và thực thi các quy định của UNCLOS năm 1982; thể hiện Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, quyết tâm phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề biển, đảo

Biển Đông với nhiều lợi thế phát triển, đã và đang trở thành tâm điểm của sự cạnh tranh lợi ích, quyền lực và tầm ảnh hưởng của các nước lớn, với nhiều diễn biến phức tạp, nhạy cảm. Lợi dụng vấn đề này, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị đã ráo riết đưa ra những quan điểm sai trái, xuyên tạc đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị đã sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, các tờ báo, đài phát thanh phản động ở nước ngoài phát tán tài liệu, hình ảnh, video xuyên tạc các nội dung liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam, tập trung vào một số nội dung:

Một là, quy chụp, bịa đặt, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Luận điệu mà họ thường rêu rao là Đảng, Nhà nước Việt Nam “xem nhẹ”, “làm ngo”, không có những động thái kiên quyết trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông;... Họ nêu những “đề xuất”, “kiến nghị” đòi thay đổi chính sách ngoại giao của Việt Nam về chủ quyền biển, đảo.

Hai là, xuyên tạc, chống phá chính sách quốc phòng hòa bình, tự vệ của Việt Nam. Họ cho rằng Việt Nam vì “đường lối ngoại giao cây tre” nên không

dám dùng lực lượng hải quân, cảnh sát biển để giải quyết tranh chấp, bất đồng trên biển. Chỉ trích khả năng chiến đấu, sức mạnh của lực lượng vũ trang ta; rằng Việt Nam không sử dụng vũ lực thì sẽ “mất biển, mất đảo, thể nước lâm nguy”; kêu gọi quân đội phải “đáp trả bằng vũ lực” với các hành động của các nước khác.

Ba là, lợi dụng diễn biến phức tạp, các vấn đề nhạy cảm trên Biển Đông để tuyên truyền, kích động dư luận xã hội chống phá Đảng, Nhà nước; kích động người dân tạo nên các phong trào “bài Trung”, “thoát Trung” hay “thân Mỹ”... Lợi dụng tinh thần yêu nước của quần chúng nhân dân để kêu gọi biểu tình, phản đối, bạo loạn, lật đổ, gây mất an ninh, trật tự,...

Bốn là, xuyên tạc, phá hoại đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa trong hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước ta. Các thế lực thù địch cho rằng, Việt Nam phải từ bỏ chính sách “bốn không”, rằng Việt Nam sẽ không thể đứng vững "nếu không tiến hành liên minh quân sự với một cường quốc bên ngoài"; để bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam cần phải liên minh quân sự,...

Cần khẳng định rằng, những luận điệu trên là hoàn toàn sai trái, xuyên tạc trắng trợn, phủ nhận những thành quả đạt được và quan điểm đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Mục đích của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị là nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân; gây mất ổn định tình hình an ninh, chính trị đất nước; gây tâm lý bất an, hoài nghi, mất niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; làm tổn hại đến quan hệ của Việt Nam với các nước để Việt Nam rơi vào tình trạng đói đầu, bị cô lập. Mưu đồ sâu xa của các thế lực thù địch, phản động là thông qua vấn đề biển, đảo để thực hiện “diễn biến hòa bình” chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Luận cứ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong vấn đề biển, đảo

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta từ trước đến nay đều khẳng định rõ ràng, nhất quán quan điểm: Chủ quyền biển, đảo và toàn vẹn lãnh thổ là thiêng liêng, không thể để bị xâm phạm; Việt Nam “kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”; “Mọi hoạt động trên biển cần được tiến hành dựa trên cơ sở của UNCLOS năm 1982, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của các quốc gia ven biển, tại các vùng biển được xác lập phù hợp với Công ước”... Những quan điểm này được Đảng, Nhà nước ta khẳng định nhiều lần, rõ ràng, công khai, minh bạch, không “làm ngo”, hay “không kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển”... như các đối tượng chống đối xuyên tạc, vu cáo.

Thứ hai, trên thực tế, mỗi khi chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông bị nước ngoài xâm phạm, Đảng và Nhà nước ta đều thể hiện quan điểm, thái độ kiên quyết phản đối những hành động xâm phạm, quyết

tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Mặt khác, Việt Nam luôn chủ động, tích cực và kiên trì giải quyết từng bước những bất đồng tồn tại về biển, đảo với các nước liên quan, nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác, góp phần củng cố hòa bình, an ninh khu vực.

Thứ ba, là đất nước gánh chịu nhiều hậu quả đau thương, mất mát bởi chiến tranh, Việt Nam phản đối chiến tranh, xung đột dưới bất cứ hình thức nào. Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm giải quyết các tranh chấp, bất đồng, khác biệt trên Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với UNCLOS năm 1982, pháp luật quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn trên biển. Kiên trì mục tiêu không để nước ngoài lấn chiếm nhưng cũng không để xảy ra xung đột, kiên trì tìm kiếm giải pháp lâu dài và yêu cầu các bên liên quan không có những hành động quá khích, cực đoan, làm phức tạp thêm tình hình, tuân thủ các cam kết đã ký kết, giải quyết mọi bất đồng trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế. Đồng thời, sẵn sàng về mọi mặt, quyết tâm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền biển, đảo. Đây là biện pháp thể hiện sự kiên quyết nhưng khôn khéo, mềm dẻo về sách lược, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, thời điểm cụ thể để đạt được mục tiêu đề ra, không phải “không dám dùng vũ lực để bảo vệ chủ quyền” như những luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch, phản tử cơ hội chính trị.

Thứ tư, Đảng và Nhà nước ta luôn ưu tiên dành mọi nguồn lực tốt nhất cho nhiệm vụ giữ vững chủ quyền biển, đảo. Các lực lượng quản lý, bảo vệ biển, đảo từng bước được xây dựng, phát triển ngày càng vững mạnh, trong đó Hải quân Việt Nam được Đảng, Nhà nước ưu tiên đầu tư tiến thẳng lên hiện đại, có sự trưởng thành, lớn mạnh vượt bậc, đủ sức làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Bên cạnh đó, Việt Nam phát triển chiến lược “chiến tranh nhân dân” trên biển, tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân an tâm bám biển, phát triển kinh tế biển; làm giàu từ biển. Chúng ta chủ trương bảo vệ Tổ quốc bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại làm nòng cốt. Đây cũng là sự khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta để đập tan những luận điệu xuyên tạc về khả năng chiến đấu của quân đội Việt Nam và sức mạnh vô địch của thế trận quốc phòng toàn dân.

Thứ năm, quan điểm cho rằng “Việt Nam cần liên minh quân sự với cường quốc bên ngoài để giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ” là quan điểm sai lầm, thiếu cơ sở, “lợi bất cập hại”, đi ngược lại đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta. Bởi là một quốc gia có biển, nằm ở vị trí thuận lợi, nếu Việt Nam tiến hành liên minh quân sự với một cường quốc ngoài khu vực thì chắc chắn sẽ làm gia tăng bất ổn ở khu vực, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường an ninh và phát triển của đất nước. Mặt khác, cần nhận thức rõ rằng, trong bối cảnh các nước đề cao lợi ích quốc gia - dân tộc thì không có một cường quốc nào lại sẵn sàng đối đầu với một cường quốc khác để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ cho một nước thứ ba. Cái giá phải trả cho việc lệ thuộc vào các nước lớn sẽ là rất lớn. Cần khẳng định rằng, sức mạnh bảo vệ chủ

quyền biển, đảo Việt Nam không xuất phát từ tham gia liên minh với một cường quốc nào mà là sức mạnh tổng hợp của đất nước, sức mạnh của toàn dân, của ý chí tự chủ, tự cường dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế. Thực tế minh chứng, nhờ nhất quán và thực hiện đúng đường lối đối ngoại này, Việt Nam đã tạo được sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đem lại lòng tin chiến lược - một nền tảng hết sức quan trọng cho các đối tác, các quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Thứ sáu, thời gian qua, trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc đứng trước những khó khăn, thách thức lớn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quân và dân ta đã triển khai tích cực các hoạt động bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Chúng ta đã “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền biển, đảo, vùng trời và giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng lớn mạnh, “*đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Thực tế đó là bằng chứng đanh thép đập tan những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Một số định hướng bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Để bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, thời gian tới cần chú trọng thực hiện tốt một số định hướng sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Tập trung xây dựng tổ chức đảng trong các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, các địa phương ven biển trong sạch, vững mạnh. Đồng thời, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo từ Trung ương đến địa phương bảo đảm hiện đại; xây dựng lực lượng bảo vệ chủ quyền, thực thi pháp luật trên biển vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, giữa Trung ương với địa phương về công tác biển, đảo.

Hai là, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển, đảo theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tạo hành lang pháp lý vững chắc để bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Ba là, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thực hiện các biện pháp cần thiết cho sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với chủ quyền biển, đảo. củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm, sự cống hiến, sức sáng tạo của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thực thi pháp luật trên biển.

Bốn là, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh; giữa khai thác và bảo vệ biển, đảo.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo.

Năm là, chủ động, tích cực đấu tranh có hiệu quả đối với các luận điệu sai trái, thù địch về bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng về tình hình biển, đảo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tăng cường bảo đảm an ninh mạng và áp dụng các giải pháp kỹ thuật bóc gỡ, ngăn chặn những thông tin xấu, độc về tình hình Biển Đông nói chung và biển, đảo Việt Nam nói riêng. Đặc biệt, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân phải hết sức tỉnh táo, cảnh giác trước các chiêu trò xuyên tạc, suy diễn của các thế lực thù địch, phản động; tích cực, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Sáu là, chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, đảo.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, muốn bảo vệ chủ quyền biển, đảo, chúng ta phải phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời, phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển. Cũng cần xác định rằng, giải quyết tranh chấp trên Biển Đông là vấn đề khó khăn, lâu dài, không thể nóng vội, cần kiên trì hợp tác tìm kiếm biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp, không làm phức tạp thêm tình hình, bảo vệ lợi ích chính đáng của các nước trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS năm 1982. Tăng cường công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại quốc phòng với các nước đang có mâu thuẫn, tranh chấp trên biển để giảm bớt căng thẳng, không làm phức tạp hơn tình hình,

từng bước xây dựng quan hệ thân thiện, giải quyết mâu thuẫn, hình thành môi trường thuận lợi cho bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH XUNG ĐỘT TẠI TRUNG ĐÔNG

Xung đột tại khu vực Trung Đông leo thang ngày càng rộng và khốc liệt. Đặc biệt là những xung đột, căng thẳng giữa Israel với Iran và lực lượng Hezbollah tại Li-băng. Quy mô và cường độ tấn công đáp trả giữa Israel và lực lượng Hamas, Hezbollah ở Li-băng và Yemen gia tăng. Những nỗ lực ngoại giao nhằm giảm căng thẳng tới nay vẫn bế tắc.

Căng thẳng giữa Israel và Hezbollah đã leo thang lên mức độ nguy hiểm thời gian qua khi Israel tiến hành không kích khiến thủ lĩnh Hezbollah thiệt mạng đồng thời đưa binh sỹ vào miền Nam Liban. Sự kiện trên tiếp nối chuỗi các đợt tấn công của Israel nhằm vào Dải Gaza, Bờ Tây và Li-băng. Không chỉ tại Dải Gaza, Israel cũng tiếp tục tiến hành các cuộc không kích dữ dội vào Syria. Theo công bố của chính phủ Li-băng vào ngày 02/10, đã có hơn 1.000 người thiệt mạng và hơn 3.000 người bị thương. Theo giới chức Libăng, xung đột đã khiến khoảng 1,2 triệu người ở nước này phải rời bỏ nhà cửa đi lánh nạn. Hơn 400.000 người đã tìm nơi ẩn náu tại quốc gia láng giềng Syria. Đây là chiến dịch tấn công lớn nhất mà Israel thực hiện nhằm vào khu vực miền Nam Li-băng kể từ năm 2006.

Trước những hành động trên của Israel, Iran cho rằng đây là những hành động diệt chủng; khẳng định sẽ đoàn kết và hỗ trợ Li-băng, đồng thời cảnh báo sẽ đáp trả các hành động của Israel. Chính quyền Li-băng kêu gọi cộng đồng quốc tế, nhất là Hoa Kỳ, cần có những động thái can thiệp mạnh mẽ hơn để giảm leo thang, giải quyết tình hình căng thẳng hiện nay. Đồng thời, đề nghị các bên thực hiện nghiêm Nghị quyết 1701 năm 2006 về kêu gọi ngừng bắn giữa Israel và Hezbollah và một số lực lượng dân quân Palestine tại đây, chỉ có quân đội của chính phủ Li-băng và lực lượng lâm thời Liên hợp quốc tại Li-băng (UNIFIL) được duy trì hiện diện quan sự tại miền Nam Li-băng.

Liên hợp quốc và các tổ chức khu vực, quốc tế kêu gọi các bên kiềm chế tối đa, tránh leo thang căng thẳng, khẩn trương đạt được lệnh ngừng bắn. Trong tuyên bố tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York (Mỹ) ngày 08/10, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres cảnh báo, Li-băng đang “trên bờ vực của cuộc chiến tranh toàn diện”. Nga và Trung Quốc bày tỏ quan ngại sâu sắc về tình hình, khẳng định ủng hộ lập trường của Li-băng và lên án các cuộc tấn công nhằm vào dân thường. Đài phát thanh Israel Kan đưa tin, Mỹ đang nỗ lực đạt được thỏa thuận với Israel để nước này không tấn công các mục tiêu của Iran nhằm tránh nguy cơ leo thang không kiểm soát được giữa hai quốc gia duy nhất có năng lực hạt nhân tại khu vực...

Theo các chuyên gia, những diễn biến tình hình khu vực Trung Đông đã khiến an ninh khu vực tiếp tục đối mặt với nguy cơ lan rộng; làm bùng phát làn sóng di cư, gây khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng. Đồng thời, làm gia tăng

bất ổn về an ninh, an toàn, tác động đến thương mại, vận tải, logistics, giá dầu tại khu vực và toàn cầu.

2. KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐỊNH KỲ PHỔ QUÁT (UPR) CHU KỲ IV ĐỐI VỚI VIỆT NAM CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC

Ngày 27/9/2024, trong khuôn khổ Khoá họp thường kỳ lần thứ 57, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã thông qua kết quả rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV đối với Việt Nam.

Phiên họp của Hội đồng Nhân quyền do Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân quyền Heidi Schroderus-Fox chủ trì. Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Ngoại giao Đỗ Hùng Việt làm Trưởng đoàn, cùng với sự tham gia của Đại sứ, Trưởng Phái đoàn Việt Nam tại Liên hợp quốc, Tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế tại Geneva, Thụy Sĩ và đại diện một số bộ, ngành liên quan. Phiên họp thu hút sự quan tâm, đăng ký tham dự của khoảng 90 đại diện các quốc gia, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ (NGO) có quy chế tư vấn với Hội đồng - Kinh tế Xã hội LHQ (ECOSOC), trong đó có các tổ chức NGO của Việt Nam.

Trưởng đoàn Việt Nam, Thứ trưởng Đỗ Hùng Việt đã thông báo với Hội đồng Nhân quyền quyết định chấp thuận 271 trên tổng số 320 khuyến nghị các nước đưa ra tại Phiên đối thoại về báo cáo quốc gia vào tháng 5/2024, đạt tỷ lệ 84,7%, cao nhất trong 4 chu kỳ. Việt Nam tái khẳng định cam kết và chính sách nhất quán về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người và sự coi trọng đối với Cơ chế UPR và Hội đồng Nhân quyền. Trưởng đoàn Việt Nam khẳng định lập trường này được xây dựng trên cơ sở tiến hành xem xét, rà soát kỹ lưỡng các khuyến nghị với sự tham gia đầy đủ của các cơ quan liên quan. Dự kiến một Kế hoạch tổng thể để thực hiện các khuyến nghị này sẽ được xây dựng và triển khai với sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan trên tinh thần đối thoại và hợp tác.

Thông tin cập nhật cho Hội đồng Nhân quyền về tình hình bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam kể từ Phiên trình bày và đối thoại về Báo cáo quốc gia của Việt Nam (tháng 5/2024), Thứ trưởng Đỗ Hùng Việt khẳng định, Việt Nam tiếp tục tăng cường khuôn khổ pháp luật về quyền con người, thông qua ban hành, sửa đổi một số văn bản luật quan trọng liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Dù chịu tác động nặng nề của bão Yagi, đã tăng trưởng kinh tế tiếp tục được dự báo tích cực và ổn định, cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh là tiền đề vững chắc để bảo đảm quyền cho tất cả người dân. Bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương tiếp tục đạt được những bước tiến tích cực trong thời gian qua. Thứ trưởng Đỗ Hùng Việt chia sẻ về chủ trương đặc xá 2024 cho hàng nghìn phạm nhân, tạo điều kiện để họ tái hoà nhập và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Đại diện các nước và nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ gửi lời chia buồn sâu sắc với những mất mát và thiệt hại sau bão tại Việt Nam đồng thời đánh giá cao sự tham gia nghiêm túc của Việt Nam trong toàn bộ tiến trình UPR, nhất là việc chấp thuận các khuyến nghị với tỉ lệ cao và xây dựng kế hoạch triển

khai bài bản. Hoan nghênh những nỗ lực và thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đặc biệt đặt trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, các đại biểu ghi nhận các tiến bộ mọi mặt ở Việt Nam về hoàn thiện thể chế, pháp luật về quyền con người, phát triển kinh tế-xã hội, đổi mới sáng tạo, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và quyền các nhóm dễ bị tổn thương. Nhiều nước khuyến khích Việt Nam phát huy kinh nghiệm và thực tiễn tốt trong triển khai các khuyến nghị UPR. Một số tổ chức phi chính phủ nhân mạnh đã được tạo điều kiện tham gia đóng góp vào tiến trình UPR ở Việt Nam, chia sẻ rằng thông qua tham gia UPR đã có nhiều đề xuất của mình được Chính phủ tiếp thu và triển khai trên thực tiễn, nhất là trong bảo đảm bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ, thúc đẩy phát triển bền vững.

Kết thúc Phiên họp, Hội đồng Nhân quyền đã đồng thuận quyết định thông qua kết quả Báo cáo UPR chu kỳ IV của Việt Nam, đánh dấu hoàn thành rà soát chu kỳ IV liên quan đến việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam và bước sang giai đoạn thực hiện các khuyến nghị.

Nhiều quốc gia như: Philippines, Liên minh châu Âu (EU), Anh, Mỹ, Australia... đã bày tỏ quan ngại trước các thông tin về hành động nguy hiểm của tàu thực thi pháp luật của Trung Quốc đối với tàu cá Việt Nam; kêu gọi việc tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS, để đảm bảo hòa bình, ổn định và an toàn ở Biển Đông.
